

Số: 56/QĐ-UBND

Phước Vĩnh, ngày 09 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường Phước Vĩnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHƯỚC VĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng - Thống kê phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND phường Phước Vĩnh *(Có Phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND phường Phước Vĩnh.

Điều 3. Công chức Văn phòng - Thống kê, cán bộ, công chức và các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng HĐND - UBND thành phố Huế;
- Phòng Nội vụ thành phố Huế;
- CT và các PCT UBND phường;
- Bộ phận TN&TKQ phường;
- Trang TTĐT phường;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Phan Thanh Bình

Phụ lục I:

DANH MỤC
Thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa
tại Bộ phận TN&TKQ của UBND phường Phước Vĩnh
(Thông kê đến 05/3/2023)

(Đính kèm Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND phường Phước Vĩnh)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	SỐ QUYẾT ĐỊNH	GHI CHÚ
I.	LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (18 TTHC)		
	1. Lĩnh vực Người có công (02 TTHC)		
1.	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	
2.	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi		
	2. Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em (06 TTHC)		
3.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	
4.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em		
5.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		
6.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em		
7.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	
8.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế		
	3. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (07 TTHC)		
9.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 27/4/2022	
10.	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 29/5/2019	
11.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Quyết định số 1610/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	
12.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	
13.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm		
14.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm		
15.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.		

	4. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (03 TTHC)		
16.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	
17.	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng		
18.	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng		
II	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (05 TTHC)		
19.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	Quyết định số 1854/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	
20.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		
21.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại		
22.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		
23.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)		
III.	VĂN HÓA VÀ THỂ THAO (06 TTHC)		
A. VĂN HÓA			
	1. Lĩnh vực Văn hóa cơ sở (03 TTHC)		
24.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội (1.003622)	Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 07/01/2023	
25.	Thủ tục xét tặng Giấy khen gia đình văn hóa (1.001120)		
26.	Thủ tục xét tặng Danh hiệu Gia đình văn hóa (1.000954)		
	2. Thư viện (03 TTHC)	Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 07/01/2023	
27.	Thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng (1.008901)		
28.	Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng (1.008902)		
29.	Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng (1.008903)		
B. THỂ THAO			
30	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở (2.000794)	Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 07/01/2023	
IV.	Y TẾ (01 TTHC)		
31.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 08/4/2019	
V.	NỘI VỤ (14 TTHC)		
	1. Lĩnh vực Tôn giáo (10 TTHC)		
32.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 05/02/2021	
33.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng		
34.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung		
35.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức		

	có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã		
36.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã		
37.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung		
38.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã		
39.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác		
40.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung		
41.	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc		
	2. Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng (04 TTHC)		
42.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 05/02/2021	
43.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề		
44.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất		
45.	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến		
VI.	TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (24 TTHC)		
	1. Lĩnh vực Phí Môi trường đối với nước thải (01TTHC)		
46.	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 26/8/2020	
	2. Lĩnh vực Đất đai (23 TTHC)		
	Mục 1. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (02 TTHC)		
47.	Hòa giải tranh chấp đất đai	Quyết định số 3140/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	
48.	Cung cấp dữ liệu đất đai (1.003554)		
	Mục 2. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện (21 TTHC) Hộ gia đình, cá nhân được lựa chọn nộp hồ sơ tại UBND cấp xã		
49.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 12/12/2018	
50.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
51.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài		

	chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận			
52	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề			
53	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế			
54	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu			
55	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018		
56	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân			
57	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu			
58	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu			
59	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất			
60	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp			
61	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở			
62	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định			
63	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở		Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018	
64	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm			
65	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh			

	chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp		
66	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất		
67	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018	
68	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền		
69	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất		
VII	QUY HOẠCH XÂY DỰNG (01 TTHC)		
70	Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền UBND cấp xã	Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	
VIII.	THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC (03 TTHC)		
71	Thông báo thành lập tổ hợp tác (2.002226)	Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 20/02/2023	
72	Thông báo thay đổi tổ hợp tác (2.002227)		
73	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác (2.002228)		
IX.	TƯ PHÁP (34 TTHC)		
	1. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật (02 TTHC)		
74	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Quyết định số 25 88/QĐ-UBND ngày 05/11/2018	
75	Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật		
	2. Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở (04 TTHC)		
76	Công nhận hòa giải viên		
77	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải		
78	Thôi làm hòa giải viên		
79	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên		
	3. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01 TTHC)		
80	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018	
	4. Lĩnh vực chứng thực (11 TTHC)		
81	Cấp bản sao từ sổ gốc	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018	
82	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận		

83	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản		
84	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
85	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch		
86	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch		
87	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		
88	Chứng thực di chúc		
89	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản		
90	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
91	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
	5. Lĩnh vực Hộ tịch (14 TTHC)		
92	Đăng ký khai sinh	Quyết định số 3226/QĐ-UBND ngày 22/12/2020	
93	Đăng ký kết hôn		
94	Đăng ký nhận cha, mẹ, con		
95	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con		
96	Đăng ký khai tử		
97	Đăng ký giám hộ		
98	Đăng ký chấm dứt giám hộ		
99	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch		
100	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		
101	Đăng ký lại khai sinh		
102	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		
103	Đăng ký lại kết hôn		
104	Đăng ký lại khai tử		
105	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch		
	6. Lĩnh vực nuôi con nuôi (02 TTHC)		
106	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước		
107	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước		
X	PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (3 TTHC)		
108	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	Quyết định số 2462/QĐ-UBND ngày 08/10/2019	
109	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh		
110	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu		
111	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	

112	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.		
XI	QUÂN SỰ (12 TTHC)		
	1. Lĩnh vực động viên quân đội (02 TTHC)		
113	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)	Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020	
114	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)		
	2. Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (01 TTHC)		
115	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí hằng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ.		
	3. Lĩnh vực Dân quân tự vệ (02 TTHC)		
116	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết.		
117	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết		
	4. Lĩnh vực Nghĩa vụ quân sự (07 TTHC)		
118	Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu		
119	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị		
120	Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung		
121	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập		
122	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập		
123	Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng		
124	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến		
	5. Lĩnh vực chính sách		
125	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc	Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 01/7/2020	
126	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (<i>đối tượng từ trần</i>)		

XII	LĨNH VỰC Y TẾ		
127	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số 2.001088	Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 14/02/2022	
XIII	PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG		
128	Thủ tục thực hiện kê khai tài sản, thu nhập 2.002400	Quyết định số 2985/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	QĐ 49 ngày 05/1/2023 phê duyệt quy định nội bộ giải quyết TTHC
129	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập (2.002401)		
130	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình (2.002402)		
131	Thủ tục thực hiện việc giải trình (2.002403)		
XIV	GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI		
132	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã (2.002409)	QĐ số 2915/QĐ-UBND ngày 03/12/2022 của CT UBND tỉnh	Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh quy trình nội bộ
XV	TIẾP CÔNG DÂN VÀ XỬ LÝ ĐƠN		
133	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã (1.010945)	Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế
134	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã (2.002501)		

Danh mục trên gồm 134 thủ tục hành chính./.

Phụ lục II:**DANH MỤC****Thủ tục Hành chính tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông tại Bộ phận TN&TKQ của UBND phường Phước Vĩnh***(Đính kèm Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND phường Phước Vĩnh)*

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	SỐ QUYẾT ĐỊNH	GHI CHÚ
I.	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (33 TTHC)		
1	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (1.010803)		
2	Giải quyết trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ (1.010801)		
3	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu Nhà nước “ Bà mẹ Việt Nam anh hùng” (1.010804)		
4	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng (1.010820)		
5	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần (1.002252)		
6	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an (1.010810)		
7	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày (1.010818)		
8	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi (1.005387)	Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	
9	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến (2.001157)		
10	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến (2.001396)		
11	Công nhận và giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (1.010788)		
12	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (1.010817)		
13	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (1.001257)		

14	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia (1.004964)	
15	Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng (1.008135)	
16	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh (2.002307)	
17	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp (2.002308)	
18	Thủ tục “Đề nghị tặng hoặc truy tặng Huan chương độc lập”. (1.008134)	
19	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tinh quản lý (1.010812)	
20	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người họa động cách mạng (1.010788)	
21	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần (1.010824)	
22	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác (1.010802)	
23	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tinh quản lý (1.010812)	
24	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - TB&XH quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ (1.010814)	
25	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng (1.010788)	
26	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế (1.010819)	
27	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (1.010816)	
28	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học (1.010817)	
29	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày (1.010818)	
30	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ (1.010825)	
31	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (1.010829)	
32	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (1.010830)	
33	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công (1.010833)	

II.	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (09 TTHC)		
34	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, huyện. (2.000286)	Quyết định số 1609/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	
35	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện. (2.000282)		
36	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng (1.001776)	Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 27/4/2022	
37	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (1.001758)	Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	
38	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.001753)		
39	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (1.001731)		
40	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp (1.001739)		
41	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng		
III	LĨNH VỰC TRẺ EM (01 TTHC)		
42	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (Mã số 2.000986)	Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 05/5/2022	
IV	LĨNH VỰC VIỆC LÀM (01 TTHC)		
43	Hỗ trợ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (1.001310)		
V	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (01 TTHC)		
44	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân (2.001661)		

Danh mục trên gồm 44 thủ tục hành chính ./.